

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2020/DS-PT

Ngày: 24 – 11 – 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2020/TLPT- DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Vũ T, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú tại: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường H, khóm 7, phường 7, thành phố C. tỉnh C.(có mặt).

- Bị đơn: Bà Trương Thị A, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lý Thị Y, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Trương Thị A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Vũ T nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 18-12-2018 âm lịch, bà Trương Thị A thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 819044 cấp ngày 04-5-2015 do bà A đứng tên để vay của ông T số tiền 420.000.000 đồng, khi nhận tiền bà A đã làm biên nhận và cam kết đến tháng 02-2019 âm lịch thanh toán đầy đủ cho ông T; sau đó bà A trả được 50.000.000 đồng thì không trả số tiền còn lại. Do vậy, ông T yêu cầu bà A trả 370.000.000 đồng và không tính lãi, khi trả xong số tiền trên thì ông T sẽ trả lại giấy chứng nhận cho bà A.

Bị đơn bà Trương Thị A trình bày:

Bà không trực tiếp giao dịch vay tiền của ông T, trước đây chị Lý Thị Y (con của bà) có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thế chấp vay tiền của ông T. Việc chị Y vay tiền và thanh toán cho ông T như thế nào thì bà không biết nhưng chị Y có gửi số tiền 50.000.000 đồng cho bà đưa cho bà Nguyễn Thị Lý (mẹ ruột của ông T) trả cho ông T. Bà thừa nhận dấu lấn tay trong biên nhận tiền của ông T là do ông T viết từ trước, ép buộc và cầm tay của bà lấn tay vào biên nhận, sự việc chỉ có bà và ông T, ngoài ra không có ai biết. Sau sự việc xảy ra, do không hiểu biết nên bà không có trình báo chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A xác định đã liên hệ chị Y thì số tiền chị Y vay khoảng 120.000.000 đồng. Do bà không vay và nhận tiền của ông T nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T; bà sẽ liên hệ với chị Y để xác định số tiền vay bao nhiêu và yêu cầu chị Y trả số tiền đã vay của ông T.

Đối với chị Lý Thị Y: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị Y không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông T, ý kiến của bà A và không tham gia hòa giải, xét xử.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Vũ T. Buộc bà Trương Thị A trả cho ông T số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Ông T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận số BX 819044 cấp ngày 04/5/2015 đối với diện tích 25.000m² tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện

Đàm Dơi tỉnh Cà Mau tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi để trả lại cho bà Trương Thị A.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11-9-2020, bà Trương Thị A kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Bà Trương Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Lê Vũ T khởi kiện đòi bà Trương Thị A trả khoản tiền vay theo biên nhận ngày 18-12-2018 âm lịch, cụ thể: Bà A thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX 819044 diện tích 25.000m² tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương cho ông T để vay số tiền 420.000.000 đồng; thỏa thuận đến tháng 02/2019 âm lịch bà A sẽ hoàn trả số tiền nói trên. Bà A xác định bà không giao dịch vay tiền của ông T mà do con bà là Lý Thị Y mượn Giấy chứng nhận để vay tiền của ông T. Đối với biên nhận ngày 18-12-2018 âm lịch là do ông T viết và ép buộc, cầm tay của bà để lấn tay vào biên nhận, sự việc chỉ có bà A và ông T. Tuy nhiên, bà A không trình báo đến chính quyền địa phương. Bà A thừa nhận chị Y gửi số tiền 50.000.000 đồng cho bà A để đưa cho bà Nguyễn Thị Lý (mẹ của ông T) trả cho ông T, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T và sẽ liên hệ với chị Y để xác định số tiền vay và chị Y phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền này.

[3] Xét lời trình bày của bà A thấy rằng, số tiền vay của ông T là do chị Y trực tiếp giao dịch, bà đồng ý cho chị Y mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa chị Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan và tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng chị Y không có ý kiến phản đối, không tham gia việc giải quyết tại Tòa án và cũng không

có yêu cầu gì khác. Việc bà A cho rằng, dấu lặn tay là của bà trong giấy biên nhận là do bà bị ép buộc, nhưng sự việc này chỉ có bà A và ông T biết, bà A không trình báo đến cơ quan có thẩm quyền lập biên bản và bà giấu không nói lại sự việc cho các con của bà biết. Mặt khác, từ khi thiết lập biên nhận (ngày 18-12-2018 âm lịch) cho đến khi ông T khởi kiện thì bà A cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về vấn đề này.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A cho rằng chị Y chỉ vay số tiền 120.000.000 đồng, nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm, đến phúc thẩm; bà A cũng xác định chị Y biết được kết quả xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, chị Y đã không có kháng cáo; bà A kháng cáo nhưng không đưa ra được bất cứ biên nhận, chứng từ nào thể hiện chị Y nợ số tiền 120.000.000 đồng. Trong khi bà A thừa nhận, sau khi lặn tay vào giấy biên nhận mượn nợ số tiền 420.000.000 đồng, thì bà A có giữ 01 bản biên nhận nợ này; sau khi vay bà A có thanh toán được số tiền 50.000.000 đồng cho ông T, nhưng bà A cũng không có khiếu nại gì về số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng mà bà đã ký vào biên nhận như đã nêu. Từ đó, án sơ thẩm tuyên buộc bà A trả cho ông T số tiền 370.000.000 đồng và ông T trả lại Giấy CNQSDĐ cho bà A là phù hợp.

[5] Do bà A kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, xét miễn cho bà A theo quy định người cao tuổi có đơn xin miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là phù hợp. Ông T không phải chịu có dự nộp được nhận lại.

[7] Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Vũ T.

Buộc bà Trương Thị A trả cho ông Lê Vũ T số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng bà A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Lê Vũ T có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận số BX 819044 cấp ngày 04-5-2015 đối với diện tích 25.000m² tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để trả lại cho bà Trương Thị A.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ cho bà Trương Thị A.

Ông Lê Vũ T không phải chịu án phí. Ngày 03-6-2020 cho ông T đã dự nộp tạm ứng số tiền 9.250.000 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010716 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ cho bà Trương Thị A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út